

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học
hệ Chính quy cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19/8/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp của hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp sinh viên ngày 23/7/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Trưởng các Khoa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ Chính quy năm 2021 cho 166 sinh viên như sau:

- Khoa Y dược 2 sinh viên (Phụ lục I);
- Khoa Kinh tế 111 sinh viên (Phụ lục II);
- Khoa Sư phạm 8 sinh viên (Phụ lục III);
- Khoa Ngoại ngữ 45 sinh viên (Phụ lục IV).

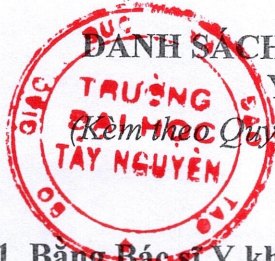
Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- Các khoa Y dược, Kinh tế, Sư phạm, Ngoại ngữ;
- Phòng Công tác sinh viên;
- Phòng Quản lý chất lượng (Lưu hồ sơ kiểm định);
- Trung tâm thông tin (đăng website);
- Lưu: VT, ĐTDH (06b).



TS. Nguyễn Thanh Trúc



Phụ lục I

ĐANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA Y DƯỢC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

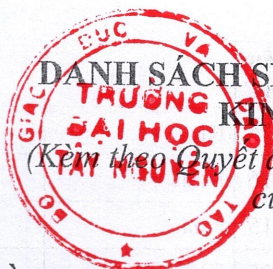
Kèm theo Quyết định số: 1465 /QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Bảng ~~Bác sĩ~~ Y khoa

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2011							
1	11307254	Trần Vũ Minh Nhân	19/6/1993	Nam	2,00	Trung bình	Địa chỉ sử dụng
Khóa 2014							
1	14307107	Phạm Lê Thị Hiền	17/01/1996	Nữ	2,98	Khá	

(Tổng 2 sinh viên) *Dal*

Tổng cộng: 2 sinh viên



Phụ lục II

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA KINH TẾ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kính theo Quyết định số: 1465 /QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

I. Bảng Cử nhân ngành Kinh tế

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2014							
1	14410043	Nguyễn Xuân Sơn	20/3/1995	Nam	2,01	Trung bình	
Khóa 2015							
1	15410031	Cao Gia Huy	19/8/1997	Nam	2,02	Trung bình	
Khóa 2016							
1	16410048	Phan Thị Nhận	12/12/1997	Nữ	2,18	Trung bình	
Khóa 2017							
1	17406079	Hà Khánh Vi	30/8/1999	Nữ	2,36	Trung bình	
2	17410003	Trần Thị Mai Anh	26/4/1999	Nữ	2,20	Trung bình	
3	17410020	Ngô Huy Hoàng	01/5/1999	Nam	2,40	Trung bình	
4	17410088	Văn Hoàng Minh Thư	24/8/1999	Nữ	2,82	Khá	
5	17410091	Trần Trung Tín	05/01/1999	Nam	2,34	Trung bình	
6	17410101	Trần Thị Lâm Uyên	20/12/1999	Nữ	2,55	Khá	
7	17410116	Nay - H' Dung	17/6/1998	Nữ	2,27	Trung bình	
8	17410133	Trần Ngọc Hiền	29/11/1998	Nam	3,11	Khá	
9	17410135	Đinh Thị Ngọc Hoài	28/5/1999	Nữ	3,44	Giỏi	
10	17410138	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	28/02/1999	Nữ	3,02	Khá	
11	17410143	Phan Hoàng Lâm	28/7/1999	Nam	2,31	Trung bình	
12	17410160	Nguyễn Phương Thảo	04/7/1999	Nữ	3,04	Khá	
13	17410162	Cao Văn Thơm	22/9/1998	Nam	2,56	Khá	
14	17410166	Trà Thị Thùy Trang	24/6/1999	Nữ	3,60	Xuất sắc	
15	17410172	Dương Trọng Vinh	10/3/1999	Nam	2,69	Khá	

(Tổng 18 sinh viên)

II. Bảng Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh

1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17402002	Phạm Minh Anh	11/7/1999	Nữ	2,67	Khá	
2	17402031	Cao Thị Thanh Hiền	10/6/1999	Nữ	3,03	Khá	
3	17402050	Trần Văn Khỏe	01/7/1999	Nam	2,77	Khá	
4	17402053	Bùi Thị Lâm	01/7/1999	Nữ	2,51	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
5	17402055	Đào Thị Linh	06/02/1999	Nữ	2,55	Khá	
6	17402062	Cao Thị Lưu	22/3/1999	Nữ	3,16	Khá	
7	17402063	Huỳnh Thị Châu Ly	02/10/1999	Nữ	3,15	Khá	
8	17402071	Hồ Thị Hoài Ngân	11/12/1999	Nữ	2,55	Khá	
9	17402075	Hoàng Thị Nguyệt	16/01/1999	Nữ	3,44	Giỏi	
10	17402108	Hoàng Thị Ngọc Thuý	12/02/1999	Nữ	2,73	Khá	
11	17402119	Huỳnh Thị Thu Uyên	13/01/1999	Nữ	2,58	Khá	

(Tổng 11 sinh viên)

2. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2015							
1	15402162	Lê Thị Thùy	16/8/1997	Nữ	2,21	Trung bình	
Khóa 2017							
1	17402016	Nguyễn Thị Hồng Diễm	01/12/1999	Nữ	2,39	Trung bình	
2	17402020	Lưu Thị Thu Hà	05/02/1999	Nữ	2,63	Khá	
3	17402021	Nguyễn Kim Hà	22/9/1999	Nữ	2,32	Trung bình	
4	17402030	Nguyễn Thị Hiếu	15/6/1999	Nữ	3,38	Giỏi	
5	17402038	Phan Thị Hòa	20/01/1999	Nữ	3,08	Khá	
6	17402047	Phan Thị Xuân Hương	28/11/1999	Nữ	3,00	Khá	
7	17402048	Phạm Thị Hương	30/11/1999	Nữ	2,90	Khá	
8	17402061	Lê Thị Xuân Lộc	26/3/1999	Nữ	2,97	Khá	
9	17402066	Nguyễn Châu Lệ Mai	26/3/1999	Nữ	2,98	Khá	
10	17402070	Đàm Bảo Ngân	01/10/1999	Nữ	3,19	Khá	
11	17402076	Hoàng Thị Nguyệt	15/10/1999	Nữ	2,68	Khá	
12	17402085	Nguyễn Thị Huệ Quân	24/5/1999	Nữ	2,82	Khá	
13	17402096	Lê Thu Thảo	15/4/1999	Nữ	2,99	Khá	
14	17402099	Trần Thị Thảo	02/7/1999	Nữ	2,76	Khá	
15	17402105	Đỗ Thị Thêm	15/4/1998	Nữ	3,66	Xuất sắc	
16	17402111	Nguyễn Thị Thu Thủy	18/12/1999	Nữ	2,74	Khá	
17	17402112	Hoàng Minh Anh Thư	09/4/1999	Nữ	2,98	Khá	
18	17402120	Nguyễn Phương Uyên	03/01/1999	Nữ	3,22	Giỏi	

(Tổng 19 sinh viên)

III. Bằng Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2014							
1	14406012	Trương Thị Mỹ Duyên	27/12/1996	Nữ	2,41	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2015							
1	15406064	Nguyễn Thị Kim Phụng	01/4/1996	Nữ	2,05	Trung bình	
Khóa 2016							
1	16406025	Phan Ngọc Khải	09/10/1998	Nam	2,24	Trung bình	
Khóa 2017							
1	16406004	Bùi Đình Chiến	30/5/1998	Nam	2,66	Khá	
2	17406023	Trương Hồng Hạnh	28/6/1999	Nữ	2,64	Khá	
3	17406026	Nguyễn Thị Hiệp	05/10/1997	Nữ	2,50	Khá	
4	17406030	Nguyễn Thị Hồng	11/8/1999	Nữ	3,60	Xuất sắc	
5	17406051	Tô Thị Nhung	20/12/1999	Nữ	3,02	Khá	
6	17406058	Mai Trần Thảo Uyên	23/9/1999	Nữ	2,81	Khá	
7	17406068	Trần Huỳnh Hạnh Tiên	08/11/1999	Nữ	2,79	Khá	
8	17406077	Nguyễn Như Gia Uyên	05/10/1998	Nữ	3,58	Khá	Kỷ luật cảnh cáo trong thời gian học; Thi lại quá 5%

(Tổng 11 sinh viên)

IV. Bảng Cử nhân ngành Kế toán

1. Chuyên ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17403002	Trần Thị Kim Anh	25/01/1999	Nữ	2,54	Khá	
2	17403007	Đinh Thị Kim Chi	24/3/1999	Nữ	3,05	Khá	
3	17403008	Nguyễn Thị Kim Chi	06/6/1999	Nữ	2,99	Khá	
4	17403014	Trần Thị Phương Dung	18/11/1999	Nữ	3,52	Giỏi	
5	17403022	Ngô Thị Khánh Hà	10/6/1999	Nữ	2,50	Khá	
6	17403025	Nguyễn Thị Thúy Hằng	23/02/1999	Nữ	3,08	Khá	
7	17403029	Phùng Thị Lý Hiền	31/7/1999	Nữ	3,15	Khá	
8	17403031	Nguyễn Thị Hồng Hoa	28/6/1999	Nữ	3,09	Khá	
9	17403035	Đào Thị Thu Huyền	14/01/1998	Nữ	2,89	Khá	
10	17403043	H Djoan Knul	26/02/1999	Nữ	3,28	Khá	Thi lại quá 5%
11	17403045	Lý Hoàng Bảo Lâm	26/5/1999	Nữ	2,69	Khá	
12	17403047	Dương Mỹ Liên	25/02/1998	Nữ	2,81	Khá	
13	17403058	Trần Thị Minh	02/3/1999	Nữ	2,79	Khá	
14	17403061	Nguyễn Thị Thu Na	01/4/1999	Nữ	2,27	Trung bình	
15	17403086	Lê Trí Tài	01/8/1999	Nam	2,48	Trung bình	
16	17403094	Lê Thị Thúy	04/8/1999	Nữ	2,79	Khá	
17	17403096	Dương Trần Thị Thu Thủy	04/4/1999	Nữ	3,46	Giỏi	

TRƯỜNG
HỌC
TUYÊN

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
18	17403103	Phạm Thị Trang	17/02/1999	Nữ	3,44	Giỏi	
19	17403105	Vũ Thị Mai Trang	29/10/1999	Nữ	3,51	Giỏi	
20	17403108	Ngô Thị Bích Trọng	23/8/1999	Nữ	2,98	Khá	
21	17403113	Trần Thị Thu Uyên	30/5/1999	Nữ	3,40	Giỏi	
22	17403114	Cao Thị Thủy Vân	27/02/1999	Nữ	2,77	Khá	
23	17403122	Nguyễn Thị Hải Yến	12/9/1999	Nữ	3,16	Khá	

(Tổng 23 sinh viên)

2. Chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17403001	Ngô Quang An	24/9/1999	Nam	3,58	Giỏi	
2	17403005	Lê Thị Bích	07/01/1999	Nữ	2,50	Khá	
3	17403012	Đặng Thị Cúc	24/11/1999	Nữ	2,77	Khá	
4	17403019	Ngô Thu Giang	11/9/1999	Nữ	3,50	Giỏi	
5	17403023	Huỳnh Thị Mỹ Hằng	31/3/1999	Nữ	2,98	Khá	
6	17403036	Lương Phương Huyền	26/8/1999	Nữ	2,26	Trung bình	
7	17403037	Phạm Thị Thu Huyền	20/9/1999	Nữ	3,37	Giỏi	
8	17403039	Trần Thị Hương	18/11/1998	Nữ	3,35	Giỏi	
9	17403042	Đàm Thị Minh Khuê	18/9/1999	Nữ	3,71	Xuất sắc	
10	17403050	Nguyễn Tuấn Linh	27/11/1999	Nam	2,54	Khá	
11	17403052	Đỗ Thùy Lương	28/12/1999	Nữ	3,18	Khá	
12	17403057	Lê Đăng Mão	09/5/1999	Nam	3,22	Giỏi	
13	17403067	Nguyễn Thuý Ngọc	01/3/1999	Nữ	2,57	Khá	
14	17403075	Lê Thị Hồng Nhung	27/01/1999	Nữ	2,85	Khá	
15	17403081	Phạm Thị Như Quỳnh	06/9/1999	Nữ	2,65	Khá	
16	17403082	Trần Thị Ngọc Quỳnh	30/3/1999	Nữ	3,36	Giỏi	
17	17403087	Bùi Uyên Thảo	21/11/1999	Nữ	3,00	Khá	
18	17403090	Nguyễn Thị Thảo	10/9/1998	Nữ	3,15	Khá	
19	17403102	Nguyễn Thị Huyền Trang	20/10/1999	Nữ	3,27	Giỏi	
20	17403106	Lê Thị Kim Trâm	24/6/1999	Nữ	3,58	Giỏi	
21	17403109	Lượng Thị Thu Uyên	20/8/1998	Nữ	3,24	Giỏi	
22	17403117	Trần Thị Thanh Vân	30/9/1999	Nữ	3,48	Giỏi	
23	17403118	Đỗ Thị Tường Vi	02/3/1999	Nữ	3,12	Khá	

(Tổng 23 sinh viên)

V. Bằng Cử nhân ngành Kinh tế nông nghiệp

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
----	-------	-----------	-----------	-------------	-------------	----------	---------

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2016							
1	16401010	Lê Tiến Dũng	26/4/1998	Nam	2,16	Trung bình	
2	16401020	Bùi Văn Hồng	19/3/1998	Nam	2,53	Khá	
3	16401027	Cao Văn Hùng	10/8/1998	Nam	2,42	Trung bình	
4	16401082	Trần Thị Thanh Tuyền	14/12/1997	Nữ	2,58	Khá	
Khóa 2017							
1	17401035	Nguyễn Thị Xuân Nương	20/9/1999	Nữ	2,92	Khá	
2	17401055	Phạm Tuấn	06/9/1999	Nam	2,73	Khá	

(Tổng 6 sinh viên)

Tổng cộng: 111 sinh viên 





Phụ lục III

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA SƯ PHẠM ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Kèm theo Quyết định số: 1465 /QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

I. Bảng Cử nhân ngành Giáo dục Mầm non

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17903019	Nguyễn Thị Diễm My	18/02/1999	Nữ	2,98	Khá	

(Tổng 1 sinh viên)

II. Bảng Cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học

1. Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2016							
1	16902040	Đinh Thị Thùy Trang	29/3/1997	Nữ	2,35	Trung bình	

(Tổng 1 sinh viên)

III. Bảng Cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2016							
1	16601031	H' Bạch Êđuôl	06/4/1998	Nữ	2,52	Khá	
Khóa 2017							
1	17601003	Nguyễn Thị Kim Anh	15/10/1999	Nữ	2,66	Khá	
2	17601016	Phan Thị Hường	02/3/1998	Nữ	2,63	Khá	
3	17601030	H' Dream Niê	06/7/1997	Nữ	2,82	Khá	
4	17601035	Cil K' Thang	20/3/1999	Nữ	2,88	Khá	

(Tổng 5 sinh viên)

IV. Bảng Cử nhân ngành Văn học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2013							
1	13606008	Lý Đức Hiếu	20/10/1993	Nam	2,05	Trung bình	

(Tổng 1 sinh viên)

Tổng cộng: 8 sinh viên

Phụ lục IV

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA NGOẠI NGỮ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 1465 /QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Bảng Cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Anh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17701001	Nguyễn Thị Lan Anh	06/4/1999	Nữ	2,66	Khá	
2	17701002	Nguyễn Thị Tú Anh	05/5/1999	Nữ	3,35	Giỏi	
3	17701003	Bùi Ngọc Ánh	26/8/1999	Nữ	2,98	Khá	
4	17701006	Trần Thị Thùy Dung	27/5/1999	Nữ	2,88	Khá	
5	17701007	Trần Mỹ Hiền	10/02/1998	Nữ	3,22	Giỏi	
6	17701011	Nguyễn Thị Như Huyền	26/5/1997	Nữ	3,11	Khá	
7	17701012	Nguyễn Đoàn Hoài Hương	03/8/1999	Nữ	2,75	Khá	
8	17701014	Dương Thị Diệu Linh	26/02/1999	Nữ	2,66	Khá	
9	17701015	Nguyễn Hữu Đại Lộc	12/11/1999	Nam	3,11	Khá	
10	17701016	Nguyễn Thị Mai	02/10/1999	Nữ	3,25	Giỏi	
11	17701018	Vương Quỳnh My	10/7/1999	Nữ	3,18	Khá	
12	17701020	Lê Thị Ngọc	30/11/1999	Nữ	2,75	Khá	
13	17701021	Nguyễn Thúy Nhi	02/11/1999	Nữ	2,60	Khá	
14	17701022	Nguyễn Thị Hà Nhung	09/4/1998	Nữ	3,09	Khá	
15	17701023	H' Trinh Niê	23/6/1998	Nữ	2,78	Khá	
16	17701024	Kpă H' Nina	25/4/1999	Nữ	3,08	Khá	
17	17701026	Nguyễn Thị Nhã Phương	11/9/1999	Nữ	2,67	Khá	
18	17701027	Tô Thị Mỹ Phương	14/12/1989	Nữ	3,63	Xuất sắc	
19	17701028	Trần Huyền Phương	11/12/1999	Nữ	2,89	Khá	
20	17701030	Nguyễn Như Quỳnh	15/7/1999	Nữ	2,67	Khá	
21	17701031	Phạm Xuân Quỳnh	12/9/1999	Nữ	3,03	Khá	
22	17701032	Phạm Lê Hoàng Sương	28/10/1999	Nữ	3,03	Khá	
23	17701033	Trần Thanh Tâm	12/3/1999	Nữ	2,62	Khá	
24	17701034	Nguyễn Thị Thanh	18/9/1998	Nữ	2,78	Khá	
25	17701035	Lưu Thị Thu Thảo	28/6/1999	Nữ	2,62	Khá	
26	17701036	Phan Thị Bích Thuý	13/9/1999	Nữ	3,44	Giỏi	
27	17701039	Nguyễn Bá Trường	08/11/1999	Nam	2,77	Khá	

(Tổng 27 sinh viên)

2. Bảng Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
----	-------	-----------	-----------	-------------	-------------	----------	---------

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17702003	Trần Nữ Quỳnh Anh	14/6/1998	Nữ	2,66	Khá	
2	17702005	Vũ Nguyên Minh Anh	05/10/1999	Nữ	3,13	Khá	
3	17702026	Nguyễn Ngọc Gia Hân	20/8/1999	Nữ	3,82	Xuất sắc	
4	17702027	Phạm Thị Hậu	07/8/1999	Nữ	2,75	Khá	
5	17702029	Nguyễn Thị Bích Hoa	17/8/1999	Nữ	2,40	Trung bình	
6	17702040	Nguyễn Tuấn Kiệt	22/10/1999	Nam	2,21	Trung bình	
7	17702042	Lê Mo Hờ Lan	10/6/1999	Nữ	2,82	Khá	
8	17702053	Trương Thị Mến	18/4/1999	Nữ	2,64	Khá	
9	17702058	Trần Thị My	16/11/1999	Nữ	2,51	Khá	
10	17702076	H Ma Ri Niê	30/7/1999	Nữ	2,39	Trung bình	
11	17702077	Trương Thị Ninh	20/10/1999	Nữ	2,59	Khá	
12	17702082	Phan Nguyễn Uyên Phương	10/8/1998	Nữ	2,90	Khá	
13	17702096	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	06/5/1999	Nữ	3,33	Giỏi	
14	17702103	Lê Thị Thanh Trà	09/9/1999	Nữ	2,56	Khá	
15	17702106	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	11/7/1999	Nữ	2,60	Khá	
16	17702108	Phạm Văn Trung	12/01/1999	Nam	2,57	Khá	
17	17702132	Rơ Lick Ha Ly Zen	21/4/1998	Nữ	2,54	Khá	
18	17702133	Vũ An Hoài Linh	24/12/1999	Nữ	3,38	Giỏi	

(Tổng 18 sinh viên)

Tổng cộng: 45 sinh viên

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng hệ Chính quy
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp của hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp sinh viên ngày 23/7/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Trưởng khoa Kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

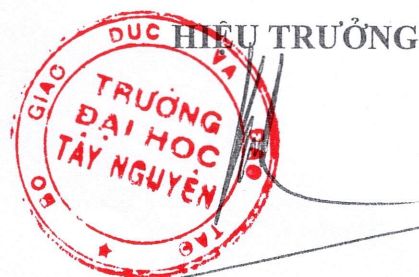
Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng hệ Chính quy năm 2021 cho 2 sinh viên thuộc khoa Kinh tế có tên sau:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Bảng Cao đẳng ngành Quản trị kinh doanh							
1	16360016	Trịnh Thị Duyên	20/12/1997	Nữ	2,07	Trung bình	
2	16360018	Nguyễn Thanh Hằng	20/6/1998	Nữ	2,09	Trung bình	

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *ĐL*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- P. Công tác sinh viên;
- Trung tâm thông tin (đăng Website);
- Phòng Quản lý chất lượng (Lưu hồ sơ kiểm định);
- Lưu: VT, ĐTDH (06b).



TS. Nguyễn Thanh Trúc